

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Hậu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Nhà không số thuộc khu phố Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 141A/4, khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Nhà không số thuộc khu phố Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị M trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn, bài bạc chửi bới

bà, vợ chồng không tôn trọng nhau, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa, không còn tình cảm với ông Chung nên bà xin được ly hôn.

-Về con chung: Giữa bà và ông C có 02 con chung là Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/10/1993 và Đỗ Hồng D, sinh ngày 21/11/2000. Ly hôn các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

-Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn ông Đỗ Văn C đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M. Về con chung: các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Do hiện nay chưa có lời khai của ông C nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về án phí bà M phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị M khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Đỗ Văn C có địa chỉ cư trú tại nhà không số thuộc khu phố Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Đỗ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà M và ông C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2012, quyển số 01/2011 ngày 21/3/2012. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa bà M và

ông C xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà M xin ly hôn với ông C.

Theo bà M thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn, bài bạc chửi bới bà, vợ chồng không tôn trọng nhau. Qua xác minh tại địa phương thì được biết, quá trình chung sống giữa bà M và ông C có xảy ra va chạm, cãi vã, to tiếng với nhau, hiện bà M không còn chung sống với ông C tại khu phố Long Đ 1 nữa, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ các đương sự không trình báo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa án để tham gia hòa giải, nhưng ông C vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay ông C vẫn vắng mặt, cho thấy ông C không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa bà M và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, cho bà M được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Giữa bà M và ông C có 02 con chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/10/1993 và Đỗ Hồng D, sinh ngày 21/11/2000. Ly hôn các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, do ông C vắng mặt, không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị M.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị M được ly hôn với ông Đỗ Văn C.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/10/1993 và Đỗ Hồng D, sinh ngày 21/11/2000. Ly hôn các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4.Về án phí: Bà Ngô Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0001670, ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà M đã nộp xong tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, T.Bắc Giang (CN số 38/2012, quyền số 01/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được